

Bản án số: 72/2020/DS-ST
Ngày: 02-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hà Như Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết.

2. Ông Lâm Văn Vô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2019/DSST ngày 01 tháng 7 năm 2019, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ trụ sở chính: Đường N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trường Th, sinh năm: 1994; chức vụ: Nhân viên (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm: 1992; địa chỉ thường trú: Đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ cư trú: Đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Ngân hàng thương mại cổ phần S và bản tự khai của ông Phạm Trường Th là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02 tháng 8 năm 2016, ông Huỳnh Thanh L có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02 tháng 8 năm 2016 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.013.046 đồng (năm mươi tám triệu không trăm mười ba ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng).

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và ông L phải chịu các khoản phí theo quy định đã ký kết theo quy định tại Điều 22, Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng; chi tiết tính lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 45.640.000 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng). Tổng số tiền trên được thanh toán theo quy định tại Điều 22 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01 tháng 5 năm 2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Dư nợ tại thời điểm trên bao gồm nợ gốc là 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng), áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Tính đến ngày 02 tháng 6 năm 2020, ông L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 43.986.117 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 19.834.968 đồng (mười chín triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng). Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng) với lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng ($= 2,15\% \times 150\%$) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 02 tháng 6 năm 2020 là 43.986.117 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười bảy đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Tại tờ tự khai ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Biên bản hòa giải ngày 19 tháng 9 năm 2019, bị đơn là ông Huỳnh Thanh L trình bày:

Ông xác nhận là ngày 02 tháng 8 năm 2016 ông và Ngân hàng thương mại cổ phần S có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02 tháng 8 năm 2016 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 24.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/tháng (lãi suất trong hạn).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.013.046 đồng (năm mươi tám triệu không trăm mười ba ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng). Sở dĩ, ông chậm thanh toán nợ cho Ngân hàng là vì gặp khó khăn kinh tế. Tính đến ngày 19 tháng 9 năm 2019, ông còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 37.313.883 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm mười ba ngàn tám trăm tám mươi ba đồng), bao gồm các khoản sau:

+ Nợ gốc: 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 13.162.734 đồng (mười ba triệu một trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm ba mươi bốn đồng). Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng) với lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng ($=2,15\% \times 150\%$) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, ông xin được thanh toán hết số tiền nợ là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) chậm nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2019; xin Ngân hàng giảm cho ông số tiền nợ lãi còn lại.

Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật triệu tập ông L đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt, không có ý kiến trình bày thêm và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là ông Phạm Trường Th vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn là ông Huỳnh Thanh L vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại thương mại cổ phần S, buộc bị đơn là ông Huỳnh Thanh L thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 43.986.117 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 19.834.968 đồng (mười chín triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Án phí dân sự sơ thẩm do bị đơn là ông Huỳnh Thanh L chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh L thanh toán tiền nợ gốc và tiền nợ lãi còn thiếu phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Ông L hiện đang cư trú tại Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Phạm Trường Th là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Huỳnh Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02 tháng 8 năm 2016, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) có cơ sở xác định ngày 02 tháng 8 năm 2016, Ngân hàng cấp cho ông L thẻ tín dụng quốc tế số 472074-1944, hạn mức sử dụng là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng), mục đích để tiêu dùng cá nhân.

[3.2] Căn cứ bảng Tóm tắt sao kê thẻ số 472074-1944 do Ngân hàng cung cấp có cơ sở xác định, kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 58.013.046 đồng (năm mươi tám triệu không trăm mười ba ngàn không trăm bốn mươi sáu đồng) và đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 45.640.000 đồng (bốn mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng), ngừng thanh toán kể từ sau ngày 28 tháng 02 năm 2018 cho đến nay. Khoản tiền ông L thanh toán được áp dụng theo thứ tự sau: các khoản phí/lãi, giao dịch rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí/lãi, giao dịch rút tiền mặt, giao dịch mua hàng hóa của kỳ sau, được quy định tại Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 01 tháng 05 năm 2018. Vào thời điểm trên, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng) làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất nợ trong hạn. Do đó, có cơ sở xác định ông L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng).

[3] Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Ngân hàng, lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng quốc tế được áp dụng kể từ ngày 06

tháng 7 năm 2011 là 2,15%/tháng; lãi suất nợ quá hạn là 3,225%/tháng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn tính kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 cho đến ngày 02 tháng 6 năm 2020 là 19.834.968 đồng (mười chín triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng) là có cơ sở.

Vì vậy, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu bị đơn là ông Huỳnh Thanh L phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ của thẻ tín dụng quốc tế thẻ 472074-1944 được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02 tháng 8 năm 2016, tính đến ngày 02 tháng 6 năm 2020 là 43.986.117 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 19.834.968 đồng (mười chín triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng) là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

1.1 Buộc ông Huỳnh Thanh L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ của thẻ tín dụng quốc tế số 472074-1944 được cấp theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02 tháng 8 năm 2016, tính đến ngày 02 tháng 6 năm 2020 là 43.986.117 đồng (bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn một trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc là 24.151.149 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm năm mươi một ngàn một trăm bốn mươi chín đồng), nợ lãi quá hạn là 19.834.968 đồng (mười chín triệu tám trăm ba mươi bốn ngàn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Kể từ ngày 03 tháng 6 năm 2020, ông Huỳnh Thanh L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.199.306 đồng (hai triệu một trăm chín mươi chín ngàn ba trăm lẻ sáu đồng) do ông Huỳnh Thanh L chịu.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 853.663 đồng (tám trăm năm mươi ba ngàn sáu trăm sáu mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0035261 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo :

Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Huỳnh Thanh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận F;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hà Như Oanh